

Số: /BC-UBND

Tam Đường, ngày tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO

Báo cáo Tổng kết Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 28/6/2016 và Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020

Thực hiện Kế hoạch số 1236/KH-UBND ngày 22/6/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về tổng kết Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 28/6/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh và Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020. UBND huyện Tam Đường, báo cáo kết quả như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Thuận lợi

Trong quá trình thực hiện Chương trình giảm nghèo huyện luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của UBND tỉnh, Huyện ủy, HĐND huyện đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể các cấp

Các chương trình, dự án, chính sách của Nhà nước đối với hộ nghèo, người nghèo trong những năm qua được tổ chức thực hiện khá đồng bộ, kết quả đạt được đã tác động tích cực đến giảm tỷ lệ hộ nghèo và đời sống của Nhân dân từng bước cải thiện.

Nhận thức của đa số người nghèo, hộ nghèo ngày càng nâng lên, đa số người nghèo tự phấn đấu vươn lên giảm nghèo; biết thực hành tiết kiệm, học hỏi cách làm ăn, tận dụng các cơ hội và sử dụng có hiệu quả sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng.

2. Khó khăn

Chuẩn nghèo mới áp dụng giai đoạn 2016 - 2020 tỷ lệ hộ nghèo tăng gấp 2,7 lần so với chuẩn nghèo cũ, nhiều xã có hộ nghèo chiếm trên 50% tổng số hộ gây khó khăn cho các địa phương trong việc giảm tỷ lệ hộ nghèo.

Còn một bộ phận người nghèo, hộ nghèo có tư tưởng trông chờ ỷ lại sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa có ý thức tự lực lao động sản xuất vươn lên thoát nghèo.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Việc triển khai học tập, quán triệt Nghị quyết, Quyết định của tỉnh về công tác giảm nghèo: Xác định giảm nghèo nhanh và bền vững là một nhiệm vụ quan trọng trong việc chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội của huyện giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo, Huyện ủy đã chủ trì chỉ đạo UBND huyện đã mở hội nghị triển khai quán triệt Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 28/6/2016 của Tỉnh ủy, các Nghị quyết của tỉnh, huyện cho toàn thể lãnh đạo các chi, Đảng bộ, các cơ quan đơn vị trong toàn huyện. Sau khi tiếp thu tại huyện, các chi, đảng bộ đã tổ chức

quán triệt Nghị quyết đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Qua học tập, quán triệt, nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể và người dân đã được nâng lên.

Việc xây dựng Kế hoạch về giảm nghèo: Ban chấp hành Đảng bộ huyện đã ban hành Kế hoạch số 39-KH/HU ngày 18/10/2016 về thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 28/6/2016 của Tỉnh ủy về giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020; UBND huyện đã xây dựng Kế hoạch số 1002/KH-UBND ngày 27/12/2016 về Giảm nghèo bền vững huyện Tam Đường giai đoạn 2016-2020.

Công tác thành lập và kiện toàn tổ chức bộ máy Ban chỉ đạo các cấp: Từ huyện đến xã đã củng cố, kiện toàn thành lập Ban chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Đồng thời ban hành Quy chế hoạt động để theo dõi, chỉ đạo điều hành Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo; Hàng năm, Ban chỉ đạo tham mưu cho UBND cùng cấp ban hành các kế hoạch để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo như: Kế hoạch thực hiện chương trình giảm nghèo; kế hoạch kiểm tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình, dự án chính sách giảm nghèo; sơ kết, đánh giá chương trình giảm nghèo trên địa bàn.

Công tác giao kế hoạch hàng năm về chỉ tiêu giảm nghèo: Hàng năm UBND huyện ban hành Kế hoạch thực hiện chương trình giảm nghèo, hướng dẫn chỉ tiêu giảm nghèo cho cấp xã phù hợp với thực trạng hộ nghèo, cận nghèo, với tình hình phát triển kinh tế xã hội; Cấp xã xây dựng kế hoạch, phân công các tổ chức, cán bộ chính quyền, đoàn thể theo dõi, giúp đỡ, hướng dẫn, chịu trách nhiệm về việc thoát nghèo đối với các hộ nghèo theo địa chỉ cụ thể; tổ chức đối thoại giữa chính quyền cấp xã với các hộ nghèo; khuyến khích, vận động người nghèo tự nguyện đăng ký thoát nghèo; xây dựng các mô hình giảm nghèo đối với hội viên của các đoàn thể (*Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Hội nông dân, đoàn thanh niên*).

Các cơ quan thành viên BCD thực hiện các chương trình MTQG căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho UBND huyện trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chính sách giảm nghèo trên địa bàn như chính sách hỗ trợ về y tế, giáo dục - đào tạo, hỗ trợ nhà ở, hỗ trợ tín dụng ưu đãi, trợ giúp pháp lý cho hộ nghèo, các chính sách đặc thù như hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo...

2. Nguồn vốn thực hiện Chương trình Giảm nghèo (Kèm theo phụ lục số 02)

- Tổng nguồn vốn thực hiện: 805.723 triệu đồng. Trong đó:

- + Ngân sách Trung ương: 792.623 triệu đồng;
- + Ngân sách Địa phương: 6.680 triệu đồng;
- + Vốn khác: 6.411 triệu đồng

3. Kết quả thực hiện

3.1. Các chính sách giảm nghèo chung

3.1.1. Hỗ trợ khuyến nông, khuyến lâm

Thực hiện 10 mô hình khuyến nông nguồn ngân sách huyện với tổng kinh phí 1.733,7 triệu đồng; Các mô hình gồm mô hình tăng vụ lúa đông xuân, mô hình liên doanh liên kết giữa doanh nghiệp và người dân trong sản xuất cây dược liệu (sa nhân tím), mô hình thí điểm áp dụng kỹ thuật canh tác sản xuất ngô; dự án hỗ trợ phân bón và thuốc bảo vệ thực vật cho cây cam... Hỗ trợ vật tư cho 400 hộ nghèo, kinh phí 550 triệu đồng. Số hộ nghèo được tham gia tập huấn 390 hộ với tổng kinh phí hỗ trợ 31,3 triệu đồng.

Thông qua thực hiện các mô hình khuyến nông đã tạo sự chuyển biến về phương thức sản xuất, tập tục canh tác của đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là các hộ nghèo có điều kiện tiếp cận những tiến bộ của khoa học kỹ thuật, với phương thức canh tác mới, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thay thế bằng những giống cây trồng mang lại giá trị và hiệu quả kinh tế ngày càng cao trên một đơn vị diện tích canh tác.

(Có biểu 01 kèm theo)

3.1.2. Hỗ trợ giáo dục, đào tạo

Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách hỗ trợ về giáo dục và đào tạo đối với học sinh như: Nghị định 86/2015/NĐ-CP, Nghị định 116/2016/NĐ-CP, Nghị định 57/2017/NĐ-CP gồm chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên, trợ cấp tiền ăn, hỗ trợ lương thực cho học sinh dân tộc thiểu số bán trú, hỗ trợ học bổng, hỗ trợ học sinh thuộc dân tộc rất ít người. Trong 5 năm đã thực hiện hỗ trợ cho 75.945 lượt con em hộ nghèo, con em người dân tộc thiểu số với tổng kinh phí miễn, giảm và trợ cấp 93.204 triệu đồng. Các chính sách ưu đãi đối với giáo viên như phụ cấp ưu đãi nghề, phụ cấp ưu đãi giáo viên cho 9.216 lượt người, kinh phí thực hiện 193.352 triệu đồng. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục, huy động sự tham gia của phụ huynh học sinh trong các hoạt động giáo dục đặc biệt là việc huy động học sinh ra lớp nâng cao tỷ lệ chuyên cần; làm tốt công tác vận động Nhân dân hiến đất, xây mới phòng học, tu sửa cơ sở vật chất, lao động làm đường, sân trường...

Thông qua việc thực hiện các chính sách hỗ trợ trong giáo dục và đào tạo cũng như các hoạt động xã hội hóa góp phần nâng chất lượng phổ cập giáo dục. Kết quả đến nay: Huyện đạt chuẩn PCGD Mầm non cho trẻ em 5 tuổi; đạt chuẩn PCXMC mức độ 1; đạt chuẩn PCGD Tiểu học mức độ 3; đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 1; các trường dân tộc nội trú và PTDT bán trú tiếp tục được củng cố và đầu tư; duy trì tốt quy mô học sinh tại các trường phổ thông dân tộc nội trú. Đến năm 2020, toàn huyện có 20/40 trường đạt chuẩn quốc gia; trong đó: Mầm non 6/13 trường đạt 46,15%; Tiểu học 10/13 trường đạt 76,92%; THCS 4/13 trường đạt 30,76%; THPT 50%.

(Có biểu 02 kèm theo)

3.1.3. Hỗ trợ về y tế

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho người nghèo được quan tâm, 100% người nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người sống ở vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, tổng số thẻ được cấp là 195.453 thẻ; trong đó có 206.493 lượt người khi đau ốm được khám, chữa bệnh, với tổng kinh phí hỗ trợ 42.148 triệu đồng.

Tích cực tham gia và vận động các tổ chức nhân đạo, từ thiện khám chữa bệnh miễn phí và lồng ghép các chương trình y tế quốc gia để chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân và người nghèo. Đảm bảo cung cấp đầy đủ và kịp thời các dịch vụ kế hoạch hoá gia đình cho các hộ nghèo.

(Có biểu 03 kèm theo)

3.1.4. Hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo: Thực hiện hỗ trợ về nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg cho 145 hộ nghèo, kinh phí cho vay hỗ trợ lãi suất từ Ngân hàng chính sách xã hội 3.625 triệu đồng; ngoài ra từ nguồn Quỹ "Ngày vì người nghèo" huyện đã làm nhà đại đoàn kết cho 82 hộ nghèo, kinh phí 2.280 triệu đồng.

(Có biểu 04 kèm theo)

3.1.5. Trợ giúp pháp lý cho người nghèo: Thông qua câu lạc bộ trợ giúp pháp lý cấp xã đã thực hiện 297 buổi, với 13.036 lượt người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số tham gia, kịp thời phổ biến những quy định của pháp luật, chính sách của nhà nước, giải đáp, tư vấn về pháp luật về các lĩnh vực: đất đai, nhà ở, thừa kế, hộ khẩu, hộ tịch, hôn nhân gia đình, chế độ chính sách.

(Có biểu 05 kèm theo)

3.1.6. Hỗ trợ tiền điện: Thực hiện hỗ trợ về tiền điện cho 18.046 lượt hộ nghèo và hộ chính sách xã hội với tổng kinh phí 11.921,22 triệu đồng.

(Có biểu 06 kèm theo)

3.1.7. Hỗ trợ tín dụng

Giai đoạn 2016-2020 đã thực hiện chính sách hỗ trợ về tín dụng ưu đãi cho các nhóm đối tượng như hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, học sinh, sinh viên, hộ vay chương trình nước sạch vệ sinh môi trường, hộ vay nguồn vốn giải quyết việc làm, hộ vay vốn sản xuất kinh doanh vùng khó khăn... Kết quả đã thực hiện cho vay 16.407 lượt hộ với tổng doanh số cho vay 562.706 triệu đồng.

Thủ tục cho vay đối với hộ nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số thuận lợi, đơn giản, miễn phí và theo phương thức tín chấp ủy thác qua các Hội, đoàn thể. Việc tổ chức giao dịch tại xã của Ngân hàng chính sách xã hội đã tạo được hệ thống dịch vụ gần dân, thân thiện và có trách nhiệm, tiết kiệm thời gian giao dịch và chi phí đi lại cho người dân. Vốn vay được sử dụng đúng mục đích đã phát huy hiệu quả trong phát triển kinh tế của Nhân dân trên địa bàn, góp phần không nhỏ nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết về giảm nghèo trên địa bàn huyện.

(Có biểu 07 kèm theo)

3.1.8. Hỗ trợ đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm

- Công tác đào tạo nghề: Công tác quản lý nhà nước về dạy nghề tiếp tục được tăng cường và đẩy mạnh, hiệu quả đào tạo nghề được nâng cao. Kết quả trong 5 năm đã dạy nghề trình độ sơ cấp và ngắn hạn cho 4.069 người, đạt 100,5% kế hoạch, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 45,5% năm 2016 lên trên 50% năm 2020 đạt 100% kế hoạch.

- Giải quyết việc làm : Thường xuyên phối hợp với Trung tâm Giới thiệu việc làm tỉnh, Trường cao đẳng nghề Than - Khoáng sản Việt Nam, Công ty nguồn nhân lực IRE Hải Phòng, Công ty Sam Sung Bắc Ninh, Công ty Babeeni VN... tổ chức tuyên truyền tư vấn, tuyển sinh tại các xã, thị trấn, có trên 3.000 lao động tham gia học nghề và đi làm việc tại các công ty, khu công nghiệp trong nước (Công ty Than, lắp ráp điện tử, may mặc...), kết quả đã giải quyết việc làm trên 5.037 lao động bình quân mỗi năm giải quyết việc làm trên 1.000 lao động, đạt 100% kế hoạch; phối hợp với các công ty xuất khẩu lao động tuyên truyền, tuyển dụng 57 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (tại Ả rập xê út, Nhật Bản, Đài Loan).

(Có biểu 08 kèm theo)

3.2. Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững

3.2.1. Chương trình 135

a) Đầu tư cơ sở hạ tầng:

- Tổng số kinh phí được giao thực hiện năm 2016-2020 là 57.326 triệu đồng, với tổng số công trình đầu tư là 63 công trình. Gồm: 34 công trình giao thông nông thôn; 11 công trình thủy lợi; 04 công trình lớp học; 12 công trình nước sinh hoạt; 02 công trình khác. Trong đó:

- + Số công trình đã hoàn thành, quyết toán: 55 công trình.
- + Số công trình đã bàn giao đưa vào sử dụng: 55 công trình.
- + Số công trình chuyển tiếp từ năm 2015 sang 2016: 09 công trình.
- + Số công trình khởi công mới: 54 công trình.

- Ước đến hết năm 2020 số kinh phí giải ngân 56.826/57.326 triệu đồng, đạt 99% kế hoạch giao.

(Có biểu 11 kèm theo)

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: Thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế như hỗ trợ cây giống, con giống, máy móc thiết bị các loại cho 2.150 hộ nghèo, kinh phí 12.907,8 triệu đồng.

- Nhân rộng mô hình giảm nghèo: đã thực hiện 07 mô hình, tổng kinh phí thực hiện 5.656,96 triệu đồng, cụ thể:

+ Năm 2017 thực hiện 01 mô hình nhân rộng giảm nghèo nuôi ngựa sinh sản tại xã Thèn Sin, kinh phí 1.050 triệu đồng (*Nhà nước hỗ trợ 500 triệu đồng và hộ dân đóng góp 550 triệu đồng*)

+ Năm 2018: Thực hiện 03 mô hình gồm mô hình trồng dưa tại xã Nà Tăm, kinh phí 760,16 triệu đồng (*Nhà nước hỗ trợ 500 triệu đồng và hộ dân đóng góp 260,16 triệu đồng*); Mô hình nuôi trâu sinh sản tại xã Tả Lèng, kinh phí 692 triệu đồng (*Nhà nước hỗ trợ 500 triệu đồng và hộ dân đóng góp 192 triệu đồng*); mô hình nuôi trâu sinh sản tại xã Thèn Sin, kinh phí 420 triệu đồng (*Nhà nước hỗ trợ 200 triệu đồng và hộ dân đóng góp 220 triệu đồng*).

+ Năm 2019: Thực hiện 02 mô hình gồm mô hình nuôi ngựa sinh sản xã Nùng Nàng, kinh phí 1.124 triệu đồng (*Nhà nước hỗ trợ 400 triệu đồng và hộ dân đóng góp 724 triệu đồng*); Mô hình nuôi trâu sinh sản tại xã Giang Ma, kinh phí 260,8 triệu đồng (*Nhà nước hỗ trợ 146 triệu đồng và hộ dân đóng góp 114,8 triệu đồng*).

+ Năm 2020: Thực hiện 01 mô hình gồm mô hình nuôi ngựa sinh sản xã Khun Há, kinh phí 1.350 triệu đồng (*Nhà nước hỗ trợ 500 triệu đồng và hộ dân đóng góp 850 triệu đồng*);

(*Có biểu 10 kèm theo*)

c) Kết quả thực hiện nội dung duy tu bảo dưỡng: Tổng số kinh phí được giao thực hiện năm 2016-2020 là 3.392,9 triệu đồng, với tổng số công trình duy tu, bảo dưỡng là 72 công trình. Gồm: 21 công trình giao thông nông thôn; 07 công trình thủy lợi; 08 công trình lớp học; 24 công trình nước sinh hoạt; 09 công trình nhà văn hóa, 03 công trình khác. Tổng kinh phí thực hiện là 2.886,9 triệu đồng.

(*Có biểu 12 kèm theo*)

3.2.2. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: Thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế như hỗ trợ 1.405 con giống (05 con trâu, 1.400 con ngan), 29 máy móc thiết bị các loại, kinh phí 355,2 triệu đồng.

- Nhân rộng mô hình giảm nghèo: đã thực hiện 04 mô hình, tổng kinh phí thực hiện 1.751,574 triệu đồng, cụ thể:

+ Năm 2017 thực hiện 01 mô hình nhân rộng giảm nghèo trồng cây dong riềng xã Bình Lư, kinh phí 385,86 triệu đồng.

+ Năm 2019: thực hiện 02 mô hình gồm mô hình nuôi trâu sinh sản tại xã Bình Lư, kinh phí 231 triệu đồng (*Nhà nước hỗ trợ 156 triệu đồng và hộ dân đóng góp 75 triệu đồng*); mô hình nuôi trâu sinh sản tại xã Hồ Thầu, kinh phí 598,4 triệu đồng (*Nhà nước hỗ trợ 336 triệu đồng và hộ dân đóng góp 262,4 triệu đồng*)

+ Năm 2020: thực hiện 01 mô hình gồm mô hình trồng cây dong riềng tại xã Sơn Bình, kinh phí 536,314 triệu đồng (Nhà nước hỗ trợ 324,714 triệu đồng và hộ dân đóng góp 211,6 triệu đồng).

(Có biểu 10 kèm theo)

3.3. Kết quả thực hiện giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo

a) Hộ nghèo

- Tổng số hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo đầu năm 2016: 4.525 hộ chiếm 40,72%;
- Ước tổng số hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo hết năm 2020: 2.151 hộ chiếm 17,98%.

- Kết quả trong 5 năm:

- + Số hộ thoát nghèo: 2.711 hộ
- + Số hộ nghèo phát sinh mới và tái nghèo: 454 hộ.
- + Tỷ lệ hộ nghèo giảm: 22,74%; bình quân giảm mỗi năm là 4,54%

b) Hộ cận nghèo

- Tổng số hộ cận nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo đầu năm 2016: 1.512 hộ chiếm 13,61%;

- Ước tổng số hộ cận nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo hết năm 2020: 1.089 hộ chiếm 9,1%.

- Kết quả trong 5 năm:

- + Số hộ thoát cận nghèo: 1.449 hộ
- + Số hộ cận nghèo phát sinh mới: 1.022 hộ.
- + Tỷ lệ hộ cận nghèo giảm: 4,51%; bình quân giảm mỗi năm là 0,9%.

(Có biểu 09 kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu của Chương trình

1.1. Giảm tỷ lệ hộ nghèo

- Mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân từ 3-4%/năm. Kết quả đạt được là 4,54%, đạt 151% kế hoạch.

- Mục tiêu giảm tỷ lệ hộ cận nghèo bình quân từ 1-1,5%/năm. Kết quả đạt được là 0,9%, đạt 90% kế hoạch

- Mục tiêu đảm bảo thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo tăng 1,5 lần so với năm 2015. Thu nhập bình quân đầu người năm 2015 là 420.000 đồng/người/tháng; ước thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 650.000 đồng/người/tháng cao gấp 1,54 lần, đạt 103% kế hoạch.

1.2. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất và dân sinh

- Mục tiêu 100% đường giao thông nội bản, đường trục bản được cứng hóa đi lại thuận tiện trong 04 mùa. Kết quả, có 126/126 bản có đường giao thông

được cứng hóa, đạt 100% kế hoạch.

- Mục tiêu 100% số bản, 99,7% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia. Ước thực hiện đến hết năm 2020 có 126/126 bản, 11.665/11.725 số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia chiếm 99,5%, đạt 99,8% kế hoạch.

- Mục tiêu phát triển hệ thống các công trình thủy lợi đáp ứng trên 85% nhu cầu tưới tiêu cho diện tích lúa nước và một số loại cây trồng hàng năm. Kết quả đã đáp ứng trên 90% nhu cầu tưới tiêu cho diện tích lúa nước và một số loại cây trồng hàng năm, đạt 105% kế hoạch.

1.3. Tỷ lệ lao động nông nghiệp còn dưới 70%; tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 50%; mỗi năm giải quyết việc làm cho trên 1.000 lao động.

- Mục tiêu tỷ lệ lao động nông nghiệp còn dưới 70%. Kết quả tỷ lệ lao động nông nghiệp chiếm 75%, đạt 93% kế hoạch.

- Mục tiêu tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 50%. Kết quả thực hiện ước đến hết năm 2020 có 4.069 lao động được đào tạo nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 50%, đạt 100% kế hoạch.

- Mục tiêu mỗi năm tạo việc làm cho trên 1.000 lao động. Kết quả thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 có 5.037 lao động được tạo việc làm, trung bình đạt trên 1.000 lao động/năm, đạt 100% kế hoạch.

1.4. Kết quả thực hiện các mục tiêu theo chuẩn nghèo đa chiều

a) Về giáo dục

- Mục tiêu giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở. (Đạt);

- Mục tiêu tỷ lệ trường chuẩn quốc gia cấp học Mầm non 46,2/43% đạt 107% kế hoạch;

- Mục tiêu tỷ lệ trường chuẩn quốc gia cấp học Tiểu học đạt 75/80%, đạt 93,75% kế hoạch;

- Mục tiêu tỷ lệ trường chuẩn quốc gia cấp học Trung học cơ sở 30,8/27%, đạt 114,07% kế hoạch;

- Mục tiêu tỷ lệ trường chuẩn quốc gia cấp học Trung học phổ thông đạt 50% kế hoạch.

b) Về y tế

- Mục tiêu 100% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Kết quả có 13/13 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế, đạt 100% kế hoạch.

- Mục tiêu 5-6 bác sỹ/1 vạn dân: Kết quả 5,2 bác sỹ/ 1 vạn dân, đạt 100% kế hoạch.

- Mục tiêu tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,83‰. Kết quả giảm tỷ lệ sinh 1,66‰/năm, đạt 110% kế hoạch.

- Mục tiêu mức giảm tỷ sinh bình quân 0,7‰/năm. Kết quả mức giảm tỷ sinh bình quân 0,94‰/năm, đạt 134% kế hoạch.

- Mục tiêu trên 95% trẻ dưới 1 tuổi được tiêm đầy đủ các loại vắc xin. Kết quả, tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm đầy đủ các loại vắc xin là 95,1%, đạt 100% kế hoạch.

- Mục tiêu giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể cân nặng, chiều cao dưới 22,5%. Kết quả, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể cân nặng theo tuổi chiếm 21,43%. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi SDD chiều cao theo tuổi chiếm 28,49%, đạt so với mục tiêu đề ra.

- Mục tiêu 100% trạm y tế xã có bác sỹ luân phiên làm việc. Kết quả thực hiện tại thời điểm báo cáo, huyện có 100% số trạm y tế có bác sỹ làm việc, đạt 100% kế hoạch.

- Mục tiêu tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế trên 95%. Kết quả, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế của huyện là 97%, đạt 102% kế hoạch.

c) Về nhà ở

Mục tiêu hoàn thành trên 90% công tác hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015. Kết quả: thực hiện đã hỗ trợ cho 145/285 hộ được phê duyệt đạt 56,5% kế hoạch.

d) Về nước sạch

- Mục tiêu trên 95% số hộ dân thị trấn được sử dụng nước sạch. Kết quả có 73,2 dân số thị trấn được sử dụng nước sạch, đạt 77% kế hoạch.

- Mục tiêu 100% số hộ nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Kết quả thực hiện đạt 100% kế hoạch.

đ) Về thông tin truyền thông: Mục tiêu 95% các hộ dân được tiếp cận thông tin về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Đảng và nhà nước, kinh nghiệm sản xuất, tình hình phát triển kinh tế xã hội của đất nước, của tỉnh, của huyện thông qua các chương trình truyền thanh, truyền hình, sách, ấn phẩm truyền thông. Kết quả đạt 100% kế hoạch.

2. Đánh giá chung kết quả thực hiện Chương trình

2.1. Những kết quả đạt được

Trong 5 năm qua, cùng với đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, mục tiêu giảm nghèo đã trở thành nhiệm vụ, chỉ tiêu ưu tiên trong quá trình chỉ đạo, điều hành của các cấp uỷ Đảng, Chính quyền, Mặt trận, các tổ chức Đoàn thể các cấp. Huyện đã triển khai chương trình giảm nghèo với quyết tâm cao và đạt được kết quả đáng kể.

Kết quả thực hiện Chương trình giảm nghèo trong giai đoạn 2016-2020 đã góp phần quan trọng vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững, các chính sách an sinh xã hội và chính sách trợ giúp người nghèo về y tế, giáo dục, nhà ở, vay vốn tín dụng, khuyến nông – khuyến lâm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn,

hỗ trợ sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo, đầu tư cơ sở hạ tầng theo chương trình 135... được lồng ghép triển khai đồng bộ, kịp thời. Qua đó tạo điều kiện cho người nghèo nói riêng được phát triển kinh tế, tạo việc làm và tăng thu nhập, họ đã nhận thức rõ hơn trách nhiệm của chính bản thân mình và chủ động trong việc tiếp nhận các chính sách và nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng để tự vươn lên thoát nghèo, đồng thời góp phần cải thiện đời sống người dân nói chung, đặc biệt là người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; giữ vững an ninh chính trị, củng cố lòng tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước.

2.2. Tồn tại hạn chế và nguyên nhân

2.2.1. Tồn tại hạn chế

- Kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, đa số hộ thoát nghèo chuyển sang cận nghèo, tỷ lệ nghèo phát sinh mới chiếm 17% trong tổng số hộ thoát nghèo. Chất lượng cuộc sống của nhóm hộ mới thoát nghèo và hộ cận nghèo còn ở mức thấp, nguy cơ tái nghèo cao.

- Một số Cấp ủy, chính quyền xã thiếu chủ động trong nghiên cứu, ban hành giải pháp và biện pháp tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo; kế hoạch giảm nghèo còn chung chung chưa có các giải pháp giảm nghèo cụ thể cho từng đối tượng (*hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập và hộ nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản*).

- Việc huy động nguồn lực, lồng ghép và sử dụng các nguồn vốn cho công tác giảm nghèo hiệu quả chưa cao.

- Kết quả thực hiện các chính sách cho hộ nghèo còn một số tồn tại:

+ Một số tổ viên còn chưa thực hiện tốt công tác tương trợ giúp đỡ nhau trong sản xuất, đời sống và sử dụng vốn vay có hiệu quả vào sản xuất kinh doanh nên ảnh hưởng đến hiệu quả của nguồn vốn vay từ chính sách hỗ trợ tín dụng.

+ Công tác rà soát đăng ký nhu cầu học nghề cho lao động nông thôn ở một số xã chưa gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, chưa gắn với giải quyết việc làm do vậy số LĐNT học nghề xong cơ hội có việc làm mới phù hợp với nghề đào tạo còn ít; Tỷ lệ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia đào tạo nghề còn thấp. Hiệu quả đào tạo nghề chưa cao, dạy nghề chưa gắn với nhu cầu của thị trường lao động, chưa thu hút được sự quan tâm của người nghèo.

+ Công tác quản lý, rà soát, lập danh sách đối tượng đề nghị cấp thẻ BHYT cho các nhóm đối tượng (*hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số*) ở một số xã còn chưa đảm bảo dẫn đến tình trạng cấp trùng, bỏ sót, sai thông tin...

+ Định mức cho vay hộ nghèo làm nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg còn thấp trong khi đó khả năng tài chính của một số hộ nghèo không đảm bảo cho việc làm nhà theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng quy định; số lượng hộ nghèo không có khả năng và không có nhu cầu làm nhà xin ra khỏi Đề án còn nhiều.

+ Công tác trợ giúp pháp lý mang tính chất tuyên truyền, phổ biến; kết quả trợ giúp cụ thể cho từng hộ nghèo khi có nhu cầu còn thấp; một số người nghèo việc

nắm bắt có một số chính sách còn hạn chế chưa thực sự quan tâm để khi có nhu cầu yêu cầu hỗ trợ

2.2.2 Nguyên nhân hạn chế, tồn tại

Nguồn lực đầu tư cho chương trình giảm nghèo còn hạn chế, chủ yếu là nguồn vốn ngân sách Trung ương, vốn lồng ghép. Cơ chế chính sách hỗ trợ cho hộ mới thoát nghèo để đảm bảo thực hiện giảm nghèo bền vững còn chưa nhiều. Các chính sách đang chuyển dần từ việc “cho không” sang “hỗ trợ” nên nhiều hộ nghèo còn tâm lý băn khoăn trong việc thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo.

Một số xã việc thực triển khai thực hiện cơ chế chính sách đối với hộ nghèo có lúc có việc chưa thường xuyên, kịp thời.

Số lượng hộ nghèo đa số sinh sống ở nông thôn cuộc sống chủ yếu của các hộ sống bằng nghề nông nghiệp, một số hộ nghèo thiếu đất canh tác, thiếu việc làm, cuộc sống còn nhiều khó khăn, nhà ở đơn sơ, phong tục tập quán lạc hậu. Trên địa bàn chưa có nhiều doanh nghiệp đầu tư để thu hút lao động, giải quyết việc làm.

Nội dung, hình thức tuyên truyền về công tác giảm nghèo còn chưa đa dạng, phong phú; công tác sơ kết, tổng kết chưa được chú trọng để rút kinh nghiệm, nhân rộng điển hình tiên tiến trong giảm nghèo; vẫn còn tồn tại tâm lý của một bộ phận người dân trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người nghèo. Tập trung các nguồn lực nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (*Y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin*) và bảo đảm an sinh xã hội cho người nghèo, cận nghèo, giảm thiểu tối đa hộ tái nghèo và phát sinh mới; thu hẹp khoảng cách giữa hộ giàu và hộ nghèo, giữa khu vực thành thị và nông thôn.

Đầu tư và nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân ở các xã khó khăn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Phân đầu tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân mỗi 3%/năm.
- Gắn các mục tiêu giảm nghèo với tiêu chí xây dựng nông thôn mới, với các chính sách an sinh xã hội và chương trình đào tạo nghề cho người lao động nông thôn đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo, tập huấn đạt trên 52,75%.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Giải pháp về thể chế, chính sách

- Triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chính sách giảm nghèo; nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo theo tiêu chí nghèo đa chiều của Thủ tướng Chính phủ:

- Căn cứ thực trạng, nguyên nhân của hộ nghèo và sự thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của từng hộ nghèo (*y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, thông tin...*) để có biện pháp hỗ trợ phù hợp; sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích; tổ chức đầu tư có trọng điểm, không dàn trải, tập trung các xã, bản đặc biệt khó khăn, có tỷ lệ hộ nghèo cao.

- Duy trì và tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ nghèo theo quy định như: Hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi, hỗ trợ nhà ở, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, hỗ trợ giáo dục và đào tạo, hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo, trợ giúp pháp lý, các chính sách an sinh xã hội... Trong đó trọng tâm là thực hiện các chính sách tạo việc làm, tăng thu nhập, giáo dục đào tạo, dạy nghề nâng cao dân trí để giảm nghèo bền vững.

2.2. Giải pháp về tổ chức thực hiện

- Xây dựng Nghị quyết, kế hoạch giảm nghèo cụ thể, giải quyết từng nhóm hộ nghèo (*nghèo về thu nhập và nhóm nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản*). Chỉ đạo nâng cao chất lượng công tác điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo đúng quy trình quy định.

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức công chức làm công tác giảm nghèo từ huyện đến xã, bố trí hợp lý, ổn định đảm bảo hoạt động thông suốt, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo điều hành hiệu quả công tác giảm nghèo. Thực hiện đào tạo, tập huấn nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo, chú trọng củng cố, tăng cường đội ngũ cán bộ, cộng tác viên, tình nguyện viên ở cơ sở

- Tổ chức thực hiện kịp thời, đồng bộ các chương trình, chính sách giảm nghèo trên địa bàn, thực hiện cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và thực hiện các chính sách giảm nghèo.

- Phân công rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể quần chúng; thực hiện nghiêm túc theo nội dung quy chế phối hợp trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo.

2.3. Giải pháp về nguồn lực

- Tiếp tục huy động các nguồn lực phục vụ cho công tác giảm nghèo, đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác giảm nghèo, tạo thành phong trào sâu rộng, thu hút và động viên sự tham gia của Nhân dân trong việc thực hiện các chương trình giảm nghèo, việc hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo với phương châm Nhà nước hỗ trợ, Nhân dân thực hiện. Ngoài nguồn vốn từ các chương trình, dự án do Trung ương cấp, tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài huyện, các nguồn vốn tài trợ quốc tế và bố trí, cân đối một phần ngân sách địa phương để thực hiện công tác giảm nghèo.

- Triển khai lồng ghép chương trình giảm nghèo với chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn nhằm huy động tối đa nguồn lực cho giảm nghèo, đảm bảo người nghèo được thụ hưởng đúng, đủ, kịp thời các chính sách.

- Phát huy nguồn lực chủ yếu của chính người nghèo thông qua việc tiết kiệm chi tiêu gia đình, thực hiện kế hoạch hóa gia đình, sự trợ giúp của cộng đồng, dòng họ và người thân, tích cực chăm lo lao động, sản xuất, học tập với ý chí quyết tâm thoát nghèo.

3. Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị UBND tỉnh duy trì các chính sách hỗ trợ đối với hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo để bảo đảm giảm nghèo bền vững.

Trên đây là Báo cáo tổng kết Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 28/6/2016 và Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện Tam Đường./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động TB&XH;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Xuân Thịnh